

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2018
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2018-HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 4, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp 4, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2018; đơn bổ sung ý kiến ngày 03/5/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Huỳnh Ngọc B là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2002, hôn nhân qua mai mối. Đời sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, chỉ lo ăn nhậu rồi về nhà chị đánh chị B. Chị B đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở một thời gian mong anh H sửa đổi nhưng anh H không thay đổi. Nhiều lần bị anh H đánh nên chị B mời ban hòa giải xã BS đến giải quyết. Không chịu nổi tính tình của anh H nên chị B bỏ lên Long An làm việc. Chị B, anh H đã ly

thân nhau đã 03 năm nay, mỗi người đã có cuộc sống và kinh tế riêng, không còn quan tâm đến nhau.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên:

+ Phạm Thị Bích Châm, sinh năm 2001;

+ Phạm Thị Bích Quyên, sinh năm 2004;

Hiện nay con chung đang sống anh H. Khi ly hôn chị B đồng ý để 02 con chung cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H, chị B có nợ anh Huỳnh Thanh Sơn 8.000.000 đồng. Anh Sơn có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết và yêu cầu Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng. Nếu phát sinh tranh chấp anh Sơn sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Bị đơn là anh Phạm Văn H đã được được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Huỳnh Thị B có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Phạm Văn H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ấp 4, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn H.

2. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử nhận định: Chị B, anh H tổ chức đám cưới vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị B và anh H là hợp pháp. Chị B cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà đánh đập

chị B. Chị B đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở một thời gian mong anh H sửa đổi nhưng anh H không thay đổi. Nhiều lần bị anh H đánh đập, chị B mời ban hòa giải xã BS đến giải quyết. Không chịu được tính tình của anh H nên chị B bỏ lên Long An làm việc. Chị B, anh H đã ly thân hơn 03 năm nay. Hiện nay, mỗi người đều đã có cuộc sống và kinh tế riêng, không còn quan tâm nhau. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Anh H đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết nội dung chị B yêu cầu xin ly hôn với anh, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị B và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Bích Châm, sinh năm 2001 và Phạm Thị Bích Quyên, sinh năm 2004. Hiện nay, 02 con chung đang sống với anh H. Khi ly hôn chị B đồng ý để 02 con chung cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 03/5/2018 thì cháu Phạm Thị Bích Châm, sinh năm 2001 và Phạm Thị Bích Quyên, sinh năm 2004 có nguyện vọng được sống với anh H. Hiện nay, anh H là người trực tiếp nuôi 02 con chung và 02 con chung đang đi học. Do đó, giao con chung tên Phạm Thị Bích Châm, sinh năm 2001 và Phạm Thị Bích Quyên, sinh năm 2004 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Bích không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H, chị B có nợ anh Huỳnh Thanh Sơn 8.000.000 đồng. Anh Sơn có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết và yêu cầu Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng. Nếu phát sinh tranh chấp anh Sơn sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai số 04517 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc B được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn H được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phạm Thị Bích Châm, sinh năm 2001 và Phạm Thị Bích Quyên, sinh năm 2004. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H, chị B có nợ anh Huỳnh Thanh Sơn 8.000.000 đồng. Anh Sơn có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết và yêu cầu Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng. Nếu phát sinh tranh chấp anh Sơn có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai số 04517 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Hữu Hà